

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23



CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bọc ồng Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Hữu Dương	Chủ tịch
Ông Đặng Đình Bình	Thành viên
Ông Bùi Tường Định	Thành viên
Ông Trần Đức Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 10 năm 2014)
Ông Đỗ Tấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 10 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Minh	Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đức Minh
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2015

12501
HI NH
CÔNG
H NHIE
ELO
VIỆT
- TP.

Số: 334 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Ngọc

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2110-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

HI
LUNG
1-002
HÀNH
TY
HỮU
HẠN
TTE
NAM
HỘ C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		859.098.760.111	363.790.407.539
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	180.535.116.618	80.768.253.565
1. Tiền	111		104.535.116.618	10.768.253.565
2. Các khoản tương đương tiền	112		76.000.000.000	70.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	300.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		407.347.531.877	128.166.102.102
1. Phải thu khách hàng	131	6	152.371.014.538	7.619.766.941
2. Trả trước cho người bán	132		1.884.842.840	29.548.776.180
3. Các khoản phải thu khác	135	7	281.963.129.240	90.997.558.981
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(28.871.454.741)	-
IV. Hàng tồn kho	140	8	264.998.373.697	117.375.191.154
1. Hàng tồn kho	141		267.708.522.995	119.908.014.511
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.710.149.298)	(2.532.823.357)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.217.737.919	37.180.860.718
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.188.680.884	2.423.143.918
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		308.459.052	5.592.647.162
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	2.720.597.983	29.165.069.638
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		209.122.454.536	342.868.650.998
I. Tài sản cố định	220		193.896.866.799	338.505.213.542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	193.896.866.799	338.505.213.542
- Nguyên giá	222		585.134.610.532	570.370.894.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(391.237.743.733)	(231.865.680.963)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		268.724.400	268.724.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(268.724.400)	(268.724.400)
II. Tài sản dài hạn khác	260		15.225.587.737	4.363.437.456
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	6.586.136.033	4.363.437.456
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	27	8.327.451.704	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		312.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.068.221.214.647	706.659.058.537

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		671.209.686.327		395.953.529.061	
I. Nợ ngắn hạn	310		534.590.468.293		213.002.894.041	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	100.601.665.997		80.750.996.073	
2. Phải trả người bán	312	13	89.149.137.535		52.047.159.652	
3. Người mua trả tiền trước	313	14	287.096.405.284		60.065.736.714	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	12.028.513.288		4.478.022.460	
5. Phải trả người lao động	315		7.911.316.442		3.533.372.720	
6. Chi phí phải trả	316	16	17.192.232.458		5.782.337.732	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	11.004.629.805		5.702.238.045	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.606.567.484		643.030.645	
II. Nợ dài hạn	330		136.619.218.034		182.950.635.020	
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	29.750.918.375		100.869.612.097	
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337	19	106.868.299.659		82.081.022.923	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		397.011.528.320		310.705.529.476	
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	397.011.528.320		310.705.529.476	
1. Vốn điều lệ	411		215.999.980.000		215.999.980.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.850.000.000		9.850.000.000	
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		749.682.804		749.682.804	
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.132.247.260		5.946.159.798	
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		154.279.618.256		78.159.706.874	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.068.221.214.647		706.659.058.537	
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2014		31/12/2013	
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, Óng thép (m)			57.216		51.000	
2. Ngoại tệ các loại Đồng Đô la Mỹ (USD)			1.109.524		6.817	
Đồng Euro (EUR)			483		487	


Cao Nhất Trung
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà Nhung
Kế toán trưởngTrần Đức Minh
Giám đốc
Ngày 11 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2014	2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.001.456.077.548	533.019.811.983
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	1.001.456.077.548	533.019.811.983
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	742.406.643.803	418.670.328.447
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		259.049.433.745	114.349.483.536
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.794.806.489	2.574.416.405
6. Chi phí tài chính	22	26	12.486.823.628	21.348.773.699
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.765.808.397	18.122.561.743
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		61.069.478.384	18.000.436.864
8. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-25))	30		190.287.938.222	77.574.689.378
9. Thu nhập khác	31		62.663.278	791.636.952
10. Chi phí khác	32		1.310.928	118.621.471
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		61.352.350	673.015.481
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		190.349.290.572	78.247.704.859
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	51.154.993.046	19.461.105.058
14. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	(8.327.451.704)	100.821.156
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		147.521.749.230	58.685.778.645
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	6.830	2.717



Cao Nhất Trung
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà Nhung
Kế toán trưởng



Trần Đức Minh
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2015

11/03/2015

250
I NI
ĐNE
KHIE
LO
ET
TP.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	190.349.290.572	78.247.704.859
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	159.401.695.746	87.894.664.020
- Các khoản dự phòng	03	29.048.780.682	(298.629.117)
- Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	129.996.991	(376.089.219)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.575.927.320)	(2.148.887.807)
- Chi phí lãi vay	06	10.765.808.397	18.122.561.743
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	385.119.645.068	181.441.324.479
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(276.229.377.528)	(11.868.269.116)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(148.112.508.484)	25.128.755.249
- Thay đổi các khoản phải trả	11	319.900.093.380	16.550.373.504
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(765.536.966)	(1.476.033.481)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(11.121.254.692)	(18.793.182.715)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(44.526.325.802)	(24.642.345.437)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(9.571.635.864)	(5.848.503.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	214.693.099.112	160.492.119.240
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(14.847.316.027)	(2.856.853.636)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	300.000.000	(300.000.000)
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.481.080.097	2.148.887.807
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.066.235.930)	(1.007.965.829)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	19.282.712.944	38.303.950.847
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(80.950.925.073)	(121.279.010.717)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(43.191.788.000)	(47.179.147.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(104.860.000.129)	(130.154.207.470)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	99.766.863.053	29.329.945.941
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	80.768.253.565	51.438.307.624
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	180.535.116.618	80.768.253.565

Cao Nhất Trung
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà Nhung
Kế toán trưởng



Trần Đức Minh
Giám đốc
Ngày 11 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0600393680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 8 năm 2009 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0703000858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 31 tháng 8 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0600393680 thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 4 năm 2013, Công ty chính thức thay đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (tên viết tắt là "PVID") thành Công ty Cổ phần Bọc ớng Dầu khí Việt Nam (tên viết tắt là "PV COATING"). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PVB vào ngày 24 tháng 12 năm 2013.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 230 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 209 người).

Hoạt động chính

- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, gia tài đường ống;
- Đầu tư xây dựng và khai thác phát triển Khu liên hợp công nghiệp đô thị và dịch vụ;
- Đầu tư xây dựng, khai thác hạ tầng, cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi, máy thiết bị thi công;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí;
- Thi công các công trình xây dựng; và
- Kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng	5 - 12
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	8 - 9
Thiết bị quản lý	3 - 5
Tài sản khác	3

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm của dự án bọc ồng được tính khấu hao theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị website của Công ty và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Website và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí xây lắp, chi phí nguyên vật liệu, chi phí quản lý và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí đào tạo nguồn nhân lực vận hành nhà máy bọc ồng phát sinh trước khi Công ty đi vào hoạt động, thiết bị văn phòng, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 đến 36 tháng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

11/11/2014

00-00
NHÂN
NG TY
TỔNG HỮ
DITT
NAN
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	177.530.208	78.434.378
Tiền gửi ngân hàng	104.357.586.410	10.689.819.187
Các khoản tương đương tiền	76.000.000.000	70.000.000.000
	<u>180.535.116.618</u>	<u>80.768.253.565</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4.5%/năm đến 5.2%/năm (năm 2013: 5,5%/năm đến 6%/năm).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu khách hàng thể hiện các khoản phải thu về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 31.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các bên có liên quan (xem Thuyết minh 31)	281.784.170.485	88.945.879.359
Các bên thứ ba	178.958.755	2.051.679.622
	<u>281.963.129.240</u>	<u>90.997.558.981</u>

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản doanh thu liên quan đến dịch vụ cung cấp đã hoàn thành trong năm nhưng chưa xuất hóa đơn cho khách hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng đang đi đường	22.487.855.058	28.783.016.775
Nguyên liệu, vật liệu	71.531.174.649	71.784.116.256
Công cụ, dụng cụ	4.963.426.647	7.246.445.983
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	168.726.066.641	12.094.435.497
	<u>267.708.522.995</u>	<u>119.908.014.511</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.710.149.298)	(2.532.823.357)
	<u>264.998.373.697</u>	<u>117.375.191.154</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản tạm ứng của Cán bộ, công nhân viên	692.985.722	312.480.838
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.027.612.261	28.852.588.800
	2.720.597.983	29.165.069.638

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	107.409.029.058	390.539.253.097	71.113.509.831	946.345.819	362.756.700	570.370.894.505
Mua sắm mới	-	462.804.750	-	462.338.550	104.900.000	1.030.043.300
Kết chuyển từ XDCB	-	-	13.590.909.091	226.363.636	-	13.817.272.727
Giảm khác	-	(83.600.000)	-	-	-	(83.600.000)
Tại ngày 31/12/2014	<u>107.409.029.058</u>	<u>390.918.457.847</u>	<u>84.704.418.922</u>	<u>1.635.048.005</u>	<u>467.656.700</u>	<u>585.134.610.532</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	31.494.366.401	178.295.433.045	21.323.450.373	615.769.330	136.661.814	231.865.680.963
Khấu hao trong năm	10.659.607.477	139.955.221.363	8.458.311.752	237.350.122	91.205.032	159.401.695.746
Giảm khác	-	(29.632.976)	-	-	-	(29.632.976)
Tại ngày 31/12/2014	<u>42.153.973.878</u>	<u>318.221.021.432</u>	<u>29.781.762.125</u>	<u>853.119.452</u>	<u>227.866.846</u>	<u>391.237.743.733</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	<u>65.255.055.180</u>	<u>72.697.436.415</u>	<u>54.922.656.797</u>	<u>781.928.553</u>	<u>239.789.854</u>	<u>193.896.866.799</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>75.914.662.657</u>	<u>212.243.820.052</u>	<u>49.790.059.458</u>	<u>330.576.489</u>	<u>226.094.886</u>	<u>338.505.213.542</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư Dự án nhà máy bọc ống tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và một số tài sản cố định hữu hình khác hình thành từ nguồn vốn vay với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 488.747.861.266 đồng và 179.075.448.121 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 lần lượt là 475.156.952.175 đồng và 320.385.194.077 đồng) để làm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị là 64.056.633.846 đồng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2014	2013
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	4.363.437.456	12.374.745.198
Tăng trong năm	10.717.143.628	1.611.452.343
Phân bổ vào chi phí trong năm	(8.494.445.051)	(9.622.760.085)
Tại ngày 31 tháng 12	6.586.136.033	4.363.437.456

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	19.082.783.944	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	81.518.882.053	80.750.996.073
	100.601.665.997	80.750.996.073

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 50 tỷ đồng và đáo hạn vào ngày 30 tháng 7 năm 2015. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 6%/năm và sẽ được điều chỉnh theo từng lần giải ngân.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các bên có liên quan (xem Thuyết minh 31)	-	2.508.243.593
Các bên thứ ba	89.149.137.535	49.538.916.059
	89.149.137.535	52.047.159.652

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Khoản người mua trả tiền trước thể hiện các ứng trước cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ cho các Bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 31.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.034.946.499	3.406.279.255
Thuế GTGT đầu ra	1.382.035.830	-
Thuế thu nhập cá nhân	588.323.629	152.354.489
Thuế nhà thầu nước ngoài	23.207.330	919.388.716
	12.028.513.288	4.478.022.460

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước của Công ty trong năm như sau:

	31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	45.808.350.798	44.426.314.968	1.382.035.830
Thuế nhập khẩu	-	6.335.751.767	6.335.751.767	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.406.279.256	51.154.993.046	44.526.325.803	10.034.946.499
Thuế thu nhập cá nhân	152.354.489	2.847.499.342	2.411.530.201	588.323.630
Thuế nhà thầu	919.388.715	83.631.247	979.812.633	23.207.329
	4.478.022.460	106.230.226.200	98.679.735.372	12.028.513.288

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế nhà thầu	54.150.439	-
Trích trước chi phí cho dự án	7.986.217.727	1.385.003.781
Chi phí lãi vay	820.667.946	1.176.114.241
Mua sắm tài sản cố định	-	2.703.657.212
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	517.562.498
Vận chuyển ồng các dự án	6.099.636.822	-
Tiền lương phải trả CBCNV	1.564.357.524	-
Các khoản chi phí trích trước khác	667.202.000	-
	17.192.232.458	5.782.337.732

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện	8.980.598.460	-
Cổ tức phải trả	446.364.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.577.667.345	5.702.238.045
	11.004.629.805	5.702.238.045

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	89.481.100.428	159.469.608.170
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	12.275.000.000	22.151.000.000
Ngân Hàng Bưu điện Liên Việt	9.513.700.000	-
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 12)	<u>(81.518.882.053)</u>	<u>(80.750.996.073)</u>
	<u>29.750.918.375</u>	<u>100.869.612.097</u>

Công ty vay dài hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) - Chi nhánh Vũng Tàu nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam với hạn mức vay là 69.164.982.000 đồng và 15.383.000 Đô la Mỹ để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy bọc ớng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần với thời hạn tối đa 78 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng bằng Đồng Việt Nam. Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị đầu tư dự án này và tài sản cố định khác của Công ty làm tài sản bảo đảm cho hợp đồng vay.

Công ty vay trung hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ với hạn mức vay lần lượt là 24.649.505.000 đồng và 21.700.00.000 đồng. Các khoản vay sẽ được thanh toán ba tháng một lần với thời hạn tối đa 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Các khoản vay chịu lãi suất lần lượt là 14.5%/năm và 17.5%/năm và được thay đổi ba tháng một lần theo quy định của BIDV Phú Mỹ tại thời điểm thay đổi. Công ty đã thế chấp cầm cố tài sản cố định theo hợp đồng cầm cố tài sản số 02/2011/2930448/HĐ được ký ngày 09 tháng 11 năm 2011 với BVID Phú Mỹ để đảm bảo cho hợp đồng vay này và Công ty đã giải ngân toàn bộ số tiền vay nói trên.

Công ty vay trung hạn từ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu, kế ước vay là 9.513.700.000 đồng, khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần với thời hạn tối đa 60 tháng và lãi suất 6.5%/năm trả hàng tháng. Công ty đã thế chấp cầm cố tài sản cố định theo hợp đồng cầm cố tài sản số 221-14/HĐHMTD-LV ngày 17 tháng 10 năm 2014. Công ty đã giải ngân toàn bộ số tiền vay nói trên tại ngày 23 tháng 10 năm 2014.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	81.518.882.053	80.750.996.073
Trong năm thứ hai	24.124.218.375	80.750.996.073
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	<u>5.626.700.000</u>	<u>20.118.616.024</u>
	<u>111.269.800.428</u>	<u>181.620.608.170</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(81.518.882.053)</u>	<u>(80.750.996.073)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>29.750.918.375</u>	<u>100.869.612.097</u>

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoản trích trước chi phí bảo hành cho các dự án do Công ty thực hiện hoàn thành và đã quyết toán với chủ đầu tư dự án với thời hạn bảo hành trong vòng 36 tháng. Tỷ lệ trích lập dự phòng từ 3% - 5% giá trị của dự án thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	215.999.980.000	9.850.000.000	75.330.469.712	4.087.113.915	749.682.804	306.017.246.431
Lợi nhuận trong năm	-	-	58.685.778.645	-	-	58.685.778.645
Chia cổ tức	-	-	(47.519.995.600)	-	-	(47.519.995.600)
Phân phối quỹ trong năm	-	-	(5.009.045.883)	1.859.045.883	-	(3.150.000.000)
Điều chỉnh quỹ 2012	-	-	(3.000.000.000)	-	-	(3.000.000.000)
Giảm khác	-	-	(327.500.000)	-	-	(327.500.000)
Tại ngày 31/12/2013	215.999.980.000	9.850.000.000	78.159.706.874	5.946.159.798	749.682.804	310.705.529.476
Lợi nhuận trong năm	-	-	147.521.749.230	-	-	147.521.749.230
Chia cổ tức	-	-	(43.199.996.000)	-	-	(43.199.996.000)
Phân phối quỹ trong năm	-	-	(28.046.841.848)	10.186.087.462	-	(17.860.754.386)
Giảm khác	-	-	(155.000.000)	-	-	(155.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	215.999.980.000	9.850.000.000	154.279.618.256	16.132.247.260	749.682.804	397.011.528.320

Theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 18 tháng 4 năm 2014, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 trích các quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng và phúc lợi, và quỹ thưởng Ban Điều hành công ty với số tiền lần lượt là 4.050.000.000 đồng, 8.640.000.000 đồng và 300.000.000 đồng (đã tạm trích trong năm 2013 với số tiền lần lượt là 1.240.000.000 đồng, 3.000.000.000 đồng và 150.000.000 đồng) và chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 43.199.996.000 đồng.

Cũng theo Nghị quyết trên, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty cũng đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của năm 2014. Theo đó, Công ty đã thực hiện việc tạm trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi, quỹ dự phòng tài chính, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, và quỹ thưởng Ban Điều hành với số tiền lần lượt là 11.770.754.385 đồng, 7.376.087.462 đồng, 200.000.000 đồng và 300.000.000 đồng. Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	21.599.998	21.599.998
+ Cổ phần phổ thông	21.599.998	21.599.998
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	21.599.998	21.599.998
+ Cổ phần phổ thông	21.599.998	21.599.998
+ Cổ phần ưu đãi	-	-

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 215.999.980.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2014	31/12/2013
Tổng Công ty Khí Việt Nam	165.240.000.000	76,5	165.240.000.000	165.240.000.000
Các cổ đông khác	50.759.980.000	23,5	50.759.980.000	50.759.980.000
	215.999.980.000	100	215.999.980.000	215.999.980.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bọc ồng cho các Dự án đã ký kết với các khách hàng tại Việt Nam. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng dưới 10% trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như toàn bộ doanh thu, chỉ phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

22. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hoạt động xây lắp	2.566.910.558	33.808.568.263
Hoạt động bọc ồng	998.889.166.990	499.211.243.720
	<u><u>1.001.456.077.548</u></u>	<u><u>533.019.811.983</u></u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hoạt động xây lắp	(2.941.309.715)	33.519.063.282
Hoạt động bọc ồng	745.347.953.518	385.151.265.165
	<u><u>742.406.643.803</u></u>	<u><u>418.670.328.447</u></u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	395.231.888.687	209.378.880.089
Chi phí nhân công	67.454.733.252	43.032.233.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	159.401.695.746	87.894.664.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.234.292.919	51.944.579.982
Chi phí khác	155.363.679.449	31.521.120.284
	<u><u>979.686.290.053</u></u>	<u><u>423.771.478.056</u></u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.575.927.320	2.148.887.807
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	218.879.169	28.497.601
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	397.030.997
	<u><u>4.794.806.489</u></u>	<u><u>2.574.416.405</u></u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	10.765.808.397	18.122.561.743
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	1.591.018.240	3.205.270.178
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	129.996.991	20.941.778
	<u><u>12.486.823.628</u></u>	<u><u>21.348.773.699</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	190.349.290.572	78.247.704.859
Điều chỉnh cho các khoản	42.064.053.201	(403.284.621)
<i>Chênh lệch tạm thời</i>	37.852.053.201	(403.284.621)
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	4.212.000.000	-
Lợi nhuận tính thuế	232.413.343.773	77.844.420.238
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.130.935.630	19.461.105.058
Điều chỉnh cho năm trước	24.057.416	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51.154.993.046	19.461.105.058

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% (năm 2013: 25%) tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

	Doanh thu chưa thực hiện VND	Các khoản dự phòng VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	100.821.156	-	100.821.156
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh	(100.821.156)	-	(100.821.156)
Tại ngày 31/12/2013	-	-	-
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh	1.975.731.661	6.351.720.043	8.327.451.704
Tại ngày 31/12/2014	1.975.731.661	6.351.720.043	8.327.451.704

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận sau thuế	147.521.749.230	58.685.778.645
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	147.521.749.230	58.685.778.645
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	21.599.998	21.599.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.830	2.717

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	5.796.209.091	3.208.198.687

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	7.634.848.692	3.237.961.364
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.979.600.000	6.684.443.182
Sau năm năm	32.640.230.959	37.882.716.667
	49.254.679.651	47.805.121.213

Khoản thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 70.000 m² tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với đơn giá 1,5 USD/lm². Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 48 năm, kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Tổng số tiền thuê 30.000 m² sân bãi tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với đơn giá thuê là 93.870.000 đồng/tháng nhằm phục vụ cho công tác bốc ồng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2012.
- Tổng số tiền thuê 1.100 m² đất và tài sản tại số 68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với đơn giá thuê là 1.800.000.000 đồng/năm nhằm làm trụ sở văn phòng Công ty. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính:

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	130.352.584.372	181.620.608.170
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	180.535.116.618	80.768.253.565
Nợ thuần	-	100.852.354.605
Vốn chủ sở hữu	397.011.528.320	310.705.529.476
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0,32

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.535.116.618	80.768.253.565
Các khoản đầu tư	-	300.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	405.462.689.037	98.617.325.922
Các khoản ký quỹ	2.339.612.261	28.852.588.800
Tổng cộng	588.337.417.916	208.538.168.287
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	130.352.584.372	181.620.608.170
Phải trả người bán và phải trả khác	99.910.218.224	57.592.789.465
Chi phí phải trả	17.192.232.458	5.782.337.732
Dự phòng phải trả	106.868.299.659	82.081.022.923
Tổng cộng	354.323.334.713	327.076.758.290

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty chưa đánh giá được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản).

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó. Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. tt này do thích ứng rủi ro khi có biến động về tỷ giá

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	23.721.622.265	144.075.000	168.300.529.447	150.505.180.410
Euro (EUR)	10.318.202	13.402.688	101.021.458	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(1.445.789.072)	(1.503.611.054)
Euro (EUR)	(907.033)	134.027

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo****Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 1.303.525.844 đồng (năm 2013: 1.816.206.082 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản phải thu của các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 31.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.535.116.618	-	180.535.116.618
Phải thu khách hàng và phải thu khác	405.462.689.037	-	405.462.689.037
Ký quỹ ngắn hạn	2.339.612.261	-	2.339.612.261
	588.337.417.916	-	588.337.417.916
Các khoản vay	100.601.665.997	29.750.918.375	130.352.584.372
Phải trả người bán và phải trả khác	99.910.218.224	-	99.910.218.224
Chi phí phải trả	17.192.232.458	-	17.192.232.458
Dự phòng phải trả	-	106.868.299.659	106.868.299.659
	217.704.116.679	136.619.218.034	354.323.334.713
Chênh lệch thanh khoản thuần	370.633.301.237	(136.619.218.034)	234.014.083.203

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	141.599.997.913	43.367.915.400
Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	2.566.910.558	660.122.619
Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí	34.369.600.223	30.508.042.476
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biên Hòa	-	179.554.461.646
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	480.798.956.528	121.724.801.155
PV Gas - Ban QLDA Khí Đông Nam Bộ	336.635.976.499	-
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	1.014.595.940	-
Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	<u>662.727.273</u>	<u>-</u>
Mua hàng		
PV Gas - Công ty Dịch Vụ Khí	741.707.725	4.720.868.806
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Đông	2.354.163.781	604.686.098
PV Gas - Công ty Tư vấn Quản lý Dự án Khí	5.811.396.284	-
Công ty CP Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	702.000.000	512.200.000
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	782.477.049	-
Công ty Bảo hiểm PVI Đông Nam Bộ	1.273.005.456	436.496.600
TCT Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	9.610.801.200	-
Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	1.866.178.602	212.043.744
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	7.200.000.000	-
Công ty Bảo hiểm PVI Đông Nam Bộ	1.273.005.456	-
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	<u>-</u>	<u>438.216.170</u>
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam		
Trả tiền vay trong năm	<u>71.026.568.206</u>	<u>53.233.249.871</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty được hưởng trong năm như sau:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và phụ cấp	<u>1.936.433.949</u>	<u>1.489.194.036</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Phải thu		
PV Gas - Công ty Tư vấn Quản lý Dự án Khí	-	82.302.400
Công ty Liên doanh Điều hành Cừ Long	-	1.452.235.724
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biên Hòa	403.602.536	403.602.536
Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biên PTSC	47.685.000.000	5.681.626.281
Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	1.655.907.000	-
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	2.092.449.181	-
PV Gas - Ban QLDA Khí Đông Nam Bộ	55.531.856.465	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	44.502.160.321	-
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	500.039.035	-
	<u>152.371.014.538</u>	<u>7.619.766.941</u>
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biên Hòa	57.177.865.931	57.177.865.931
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	20.049.889.507	-
Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	-	31.768.013.428
PV Gas - Ban QLDA Khí Đông Nam Bộ	<u>204.533.190.271</u>	<u>-</u>
	<u>281.760.945.709</u>	<u>88.945.879.359</u>

500-002
NHÂN
IG TY
IEM HUU
DITTE
NAM
HOC

CÔNG TY CỔ PHẦN BOC ONG DẦU KHÍ VIỆT NAM68 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hoá lỏng miền Đông	165.139.147	-
PV Gas - Công ty Dịch vụ Khí	-	2.508.243.593
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	-
	<u>165.139.147</u>	<u>2.508.243.593</u>
Các khoản ứng trước		
PV Gas - Ban QLDA Khí Đông Nam Bộ	287.096.405.284	-
Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	-	6.455.057.097
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	53.610.679.617
	<u>287.096.405.284</u>	<u>60.065.736.714</u>
Phải trả khác		
PV Gas - Công ty Tư vấn Quản lý Dự án Khí	-	4.387.360.142
PV Gas - Công ty Dịch vụ Khí	-	387.452.836
Cổ tức	446.364.000	-
	<u>446.364.000</u>	<u>4.774.812.978</u>
Các khoản vay		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	<u>89.481.100.428</u>	<u>159.469.608.170</u>


Cao Nhất Trung
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà Nhung
Kế toán trưởngTrần Đức Minh
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2015

